

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2020/T6LST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thôi Thị A, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường B, Khu Phố C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* 1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2/ Ông Lý Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Thôi Thị A trình bày:

Ngày 24/9/2018 bà Thôi Thị A có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Lý Văn T vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng mục đích để kinh doanh, có ký giấy xác nhận mượn tiền do bà H ký xác nhận và hứa sẽ hoàn trả trong thời hạn 12 tháng hoặc bà A cần tiền thì bất cứ lúc nào bà H sẽ trả số tiền trên. Tuy nhiên, đã gần 02 năm mà bà H vẫn không trả nợ nên nay yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Lý Văn T cùng có trách nhiệm trả cho bà số nợ gốc là 200.000.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án triệu tập bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T nhiều lần để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T vắng mặt không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát kiến nghị quá trình giải quyết vụ án Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa là vi phạm quy định về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T hiện còn nợ bà Thôi Thị A số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bị đơn trả số tiền vay còn thiếu nên có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T hiện đang cư trú tại Quận P nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Thôi Thị A có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị H, ông Lý Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà A đã cung cấp cho Tòa án giấy nhận tiền do bà H ký xác nhận, vay số tiền 200.000.000 đồng. Xét, mặc dù trong giấy nhận tiền không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tuy nhiên theo lời khai của bà A thì thời hạn cho vay là 01 năm và các bên có thỏa thuận miệng khi nào bà A cần thì bà H sẽ trả. Tại

biên bản làm việc ngày 26/8/2020 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận P phía bà H cũng xác nhận không có khả năng thanh toán do kinh doanh thua lỗ. Ngày 04/9/2020 bà A cũng đã gửi thông báo đòi nợ, yêu cầu bà H trả nợ trước ngày 10/9/2020, tuy nhiên đã quá thời hạn mà bà H vẫn chưa thanh toán. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay nợ trên là có thời hạn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự “*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Do đó, bà A yêu cầu bà H thanh toán số tiền vay 200.000.000 đồng là có cơ sở.

Xét về yêu cầu trả lãi nhận thấy mặc dù trong giấy nhận tiền các bên không thỏa thuận về mức lãi suất cho vay, tuy nhiên căn cứ vào lời khai nhận của các bên tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận P ngày 26/8/2020 có căn cứ xác định khoản vay trên là có lãi. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 28/10/2020 nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc yêu cầu ông Lý Văn T cùng trả nợ. Nhận thấy theo giấy trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân Phường N, Quận P cung cấp thể hiện ông T và bà H là vợ chồng. Tại biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận P bà H cũng thừa nhận việc vay tiền để kinh doanh. Trong quá trình vay mượn phía bà A xác nhận vợ chồng bà H, ông T có trả cho bà khoản tiền lãi tổng cộng là 24.100.000 đồng (trong đó có một lần ông T trả cho bà số tiền là 2.000.000 đồng), như vậy việc bà H vay tiền để kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và ông T có biết việc vay mượn nợ như trên. Căn cứ Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*...Vợ chồng phải có trách nhiệm H đối đối với các giao dịch một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình..*”. Do đó, yêu cầu của bà A buộc bà H, ông T cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp nên chấp nhận.

Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do vậy yêu cầu của bà A buộc bà H, ông T cùng có trách nhiệm trả ngay số nợ trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối, không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thôi Thị A.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lý Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Thôi Thị A số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Lý Văn T phải chịu án phí là 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Hoàn lại cho bà Thôi Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049519 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Nhất Dũng